

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 10/4/2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Tòa án tỉnh BG và điểm cầu Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh BG vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Phương A, sinh năm 2000 (Có mặt tại điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân huyện LG)

Địa chỉ Thôn Chuông Vàng, xã Tân Hưng, huyện LG, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Thế H, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh H tại Việt Nam: Thôn Cống, xã Thái Đào, huyện LG, tỉnh BG.

Anh H hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Phương A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018 chị và anh Phạm Thế H có tổ chức kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Đào, huyện LG. Anh chị trước khi

kết hôn có được tìm hiểu để đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và về chung sống cùng nhau. Sau một thời gian chung sống, năm 2020 anh H đi nước ngoài, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống không có tiếng nói chung. Do đó vợ chồng đã bất đồng với nhau về quan điểm sống nên khi giải quyết một vấn đề chung thì không thể giải quyết được. Anh H đi Đài Loan từ đó đến nay và ở đó làm việc chưa về nước lần nào, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Chuông Vàng, xã Tân Hưng, huyện LG sinh sống từ khi anh H đi nước ngoài. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thế H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nay do anh H đang ở nước ngoài giấu địa chỉ và vắng mặt tại Tòa án nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

* Bị đơn là anh Phạm Thế H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh H đến nay không nhận được thông tin của anh H.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh H là ông Phạm Văn T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Cống, xã Thái Đào, huyện LG, tỉnh BG, ông có ý kiến trình bày như sau:

Ông là bố đẻ của anh Phạm Thế H, hiện anh H đang đi lao động tại Đài Loan nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở Đài Loan để cung cấp cho Tòa án do anh H hay thay đổi công việc và địa điểm lao động. Sau khi nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh BG thì ông đã chụp và gửi cho anh H qua mạng Facebook và trao đổi trực tiếp với anh H về việc chị A làm đơn xin ly hôn. Anh H đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh H.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử, công bố trình tự thủ tục làm việc với bố đẻ anh H và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Phương A. Xử:

Cho chị Phạm Phương A được ly hôn anh Phạm Thế H.

Về án phí: Chị Phạm Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Phương A là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với anh Phạm Thế H. Bị đơn anh Phạm Thế H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn Cống, xã Thái Đào, huyện LG, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 1506/QLXNC-P5 ngày 19/01/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 05/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Phạm Thế H được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG, theo quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với ông Phạm Văn T là bố đẻ của anh H xác định hiện anh H đang đi lao động tại Đài Loan nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở Đài Loan để cung cấp cho Tòa án do anh H hay thay đổi công việc và địa điểm lao động. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Phương A và anh Phạm Thế H đăng ký kết hôn ngày 19/12/2018 tại UBND xã Thái Đào, huyện LG, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh H. Xem

xét đơn khởi kiện của chị A, HĐXX thấy: Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc. Năm 2020 anh H đi nước ngoài, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp. Nguyên nhân mâu thuẫn là theo chị A trình bày là do vợ chồng không hiểu nhau, không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống không có tiếng nói chung. Anh H đi Đài Loan từ đó đến nay và ở đó làm việc chưa về nước lần nào, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Chuông Vàng, xã Tân Hưng, huyện LG sinh sống từ khi anh H đi nước ngoài. Bố đẻ anh H xác định sau khi nhận văn bản tố tụng của Tòa án ông đã chụp và gửi cho anh H qua mạng Facebook và trao đổi trực tiếp với anh H về việc chị A làm đơn xin ly hôn. Anh H đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị Phạm Phương A được ly hôn với anh Phạm Thế H.

[4]. Về con chung: Chị A và anh H không có con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Phạm Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Phương A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Phương A được ly hôn anh Phạm Thế H.

2. Về án phí: Chị Phạm Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000804 ngày 09/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh BG.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Phạm Thế H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Phạm Phương A cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG
- UBND xã Thái Đào, huyện LG
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN -
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường